

Số: 10/2019/QĐST–HNGĐ

Tân Phú Đông, ngày 11 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 164/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Minh L , sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Tân Th , xã Tân Ph , huyện A, tỉnh B

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Phương Dung, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp Tân Th , xã Tân Ph, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh L và chị Nguyễn Phương D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về con chung:*

Anh Lê Minh L và chị Nguyễn Phương D thỏa thuận giao cháu Lê Thị Bích Tr , sinh ngày 20/8/2009; Lê Thị Bích H , sinh ngày 24/3/2011; Lê Thị Bích K, sinh ngày 26/01/2015 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị D và các thành viên trong gia đình chị D không được ngăn cản.

** Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh L cấp dưỡng nuôi 03 cháu Tr , cháu H và cháu K hàng tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 28 hàng tháng. Bắt đầu thực hiện lần đầu tiên vào ngày 28/02/2019 cho đến khi cháu Tr, cháu H , cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

** Về tài sản chung:* anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về nợ chung:* anh, chị xác định không có nợ chung.

** Về án phí:*

Anh L tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48954 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Như vậy, anh L đã nộp xong án phí.

Chị D không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND xã **Tân Ph** ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn L